

GIÁ TRỊ TƯ TƯỚNG HIẾU ĐẠO THỜI TRẦN (1225-1400)

ĐỖ VŨ PHƯƠNG ANH*

Tóm tắt: Tư tưởng hiếu đạo được xem là một trong nhiều giá trị tiêu biểu thuộc văn hóa phi vật thể Phật giáo thời Trần. Tư tưởng này là sự hòa quyện giữa tư tưởng hiếu đạo của Phật giáo với tín ngưỡng truyền thống dân tộc và tư tưởng hiếu đạo Nho giáo trên nền tảng chính trị xã hội thời Trần. Có thể nói, cùng với các giá trị văn hóa phi vật thể Phật giáo thời Trần, tư tưởng hiếu đạo đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Với tiếp cận liên ngành Văn hóa học, Sử học tôn giáo và Giá trị học, bài nghiên cứu này đề cập: khái quát tư tưởng hiếu đạo theo quan điểm của Nho giáo và Phật giáo; một số biểu hiện giá trị tư tưởng hiếu đạo thời Trần qua một số nhân vật tiêu biểu.

Từ khóa: thời Trần, giá trị, tư tưởng hiếu đạo.

Abstract: Filial piety stands out as a significant value within the Buddhist intangible culture of the Tran dynasty. This ideology uniquely blends Buddhist principles of filial piety with traditional Vietnamese beliefs and Confucian ethics, all within the socio-political context of the Tran dynasty. It can be said that, along with other Buddhist intangible cultural values of the Tran dynasty, filial piety still retains its value today. With an interdisciplinary approach encompassing Cultural Studies, History of Religion, and Value Studies, this study addresses: An overview of filial piety from the perspectives of Confucianism and Buddhism; Some manifestations of filial piety values of the Tran dynasty through some typical figures.

Keywords: Tran dynasty, values, filial piety.

1. Khái quát tư tưởng hiếu đạo theo quan điểm của Nho giáo và Phật giáo

Tư tưởng hiếu đạo theo quan điểm của Nho giáo

Theo Hiếu kinh: “Hiếu là gốc của đức, người ta có trăm nét, hiếu đứng đầu. Đạo hiếu đã không rõ thì con người không đáng để làm gì” (1). Như vậy, Hiếu kinh chỉ tư tưởng hiếu đạo là nền tảng đạo đức và là kim chỉ nam cho việc tu dưỡng của mỗi người.

Truyền thống văn hóa phương Đông đều chịu ảnh hưởng sâu đậm Nho giáo, nên đạo đức là một trong những chuẩn mực ứng xử trong gia đình. Trong những chuẩn mực ứng xử trong gia đình, hiếu đạo có vai trò quan trọng, biểu hiện sự hiếu thuận của con với cha mẹ. Theo đó, việc học tập và tu dưỡng hiếu đạo được Khổng Tử và Mạnh Tử đặc biệt chú trọng và đã đặt ra nhiều quy định cho người con ứng xử với cha mẹ còn sống và khi cha mẹ qua đời. Khi cha mẹ còn sống, người con phải phụng dưỡng cha mẹ, phải khó nhọc vì cha mẹ mà không oán giận... (2); khi cha mẹ qua đời phải lấy lễ mà chôn cất, lấy lễ mà tế tự (3).

Như vậy, tư tưởng hiếu đạo theo quan niệm của Nho giáo, bổn phận làm con không chỉ phụng sự, hiếu kính cha mẹ khi còn sống, cúng lễ khi cha mẹ

qua đời mà người con còn phải tự chăm lo sức khỏe bản thân để không làm cha mẹ lo lắng; đồng thời phải có khả năng kế tục sự nghiệp của cha... Song, cũng có trường hợp cha mẹ có những hành động, việc làm trái với đạo, phạm làm con biết thì phải can ngăn cha mẹ một cách ôn hòa, lựa lời mà nói cho cha mẹ hiểu để sửa đổi. Nếu những người con không quan tâm phụng dưỡng cha mẹ, làm ảnh hưởng đến thanh danh của cha mẹ có thể xem là người bất hiếu...

Nếu như hiếu đạo được xem là nền tảng của đạo đức, thì “nhân” được xem là cội nguồn của hiếu đạo. Nhân theo quan niệm của Nho giáo là yêu người: “Lòng nhân ái có được bắt đầu từ chỗ yêu người thân như cha mẹ, như vậy mới dạy dân hiếu mực được. Muốn dạy dỗ người khác phải bắt đầu từ người lớn trước mới dạy dân thuận theo được. Trong sự nghiệp dạy dỗ dùng tình nhân ái hòa mục thì dân quý và coi mình như người thân. Dạy biết kính bậc tôn trưởng nên dân quý mà nghe theo. Lấy lòng hiếu ra thờ cha mẹ, thuận theo mệnh lệnh thì đức giáo sẽ rộng ra khắp thiên hạ, không ai là không theo” (4). Như thế, người có hiếu phải là người có lòng thương người. Đối với người có địa vị trong xã hội (người quân tử) càng phải coi trọng hiếu đạo: “Người quân

tử ngồi ở trên mà trọn đạo với cha mẹ, thì dân chúng sẽ hướng về “nhân”; người ở ngôi trên không bỏ rơi bạn bè xưa, cũ, thì dân chúng sẽ không ăn ở bạc bẽo lạnh lùng” (5)..

Tuy nhiên, nếu tư tưởng hiếu đạo được xem là cái vốn có ở con người thì lòng nhân ái cần phải được thường xuyên vun bồi, bởi nếu không chú trọng vun bồi thì ắt có kẻ bất nhân. Vì thế, hiếu và nhân không tách rời, lòng nhân ái càng phát triển thì hiếu đạo càng sáng tỏ: “Làm người có lòng hiếu lễ mà lại ưa phạm tội bề trên, là chuyện hiếm có vậy; đã không ưa phạm tội bề trên mà lại ưa làm loạn, là chuyện chưa hề có...” (6).

Nhìn chung, Nho giáo chủ trương xây dựng xã hội phát triển ổn định trên nền tảng gia đình hòa thuận. Hiếu đạo là một trong những chuẩn mực đạo đức căn bản trong xây dựng gia đình. Gia đình hòa thuận thì dòng họ phát triển, đất nước bình yên, hưng thịnh. Nói cách khác, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ phải bắt đầu từ hiếu đạo.

Tư tưởng hiếu đạo theo quan điểm của Phật giáo

Nhận diện khổ đau và tận diệt khổ đau là vấn đề then chốt của bất cứ truyền thống Phật giáo nào. Trong hệ thống kinh điển Phật giáo nguyên thủy, lòng biết ơn và đền ơn được xem là phẩm chất đặc biệt của “người cao thượng”; còn trong hệ thống kinh điển Phật giáo đại thừa, Tứ ân là phẩm chất căn cốt của một Phật tử.

Trong Tứ ân, ân cha mẹ đứng đầu rồi mới đến ân Tam bảo, ân quốc gia và ân chúng sinh. Theo quan niệm của Phật giáo, phận làm con khó lòng đền đáp công ơn cha mẹ: “Một thời, Thế Tôn trú ở Sávatthi, Ngài cho gọi các Tỷ kheo: Có hai hạng người, này các Tỷ kheo, Ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai? Mẹ và Cha. Nếu một bên vai cõng mẹ, một bên vai cõng cha, làm vậy suốt trăm năm cho đến trăm tuổi; nếu đắp bớp, xoa gội, tắm rửa và dầu tại đây cha mẹ có đại tiểu tiện, như vậy, này các Tỷ kheo cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha” (7). Tuy vậy, Đức Phật đã dạy cho con người năm cách đền đáp công cha nghĩa mẹ ý nghĩa nhất, đó là: 1. Nuôi dưỡng cha mẹ; 2. Làm tròn mọi bổn phận người con; 3. Giữ gìn gia đình với truyền thống; 4. Bảo vệ tài sản thừa tự; 5. Làm tang lễ khi cha mẹ qua đời (8). Năm cách báo đáp cha mẹ nêu trên được gọi là hiếu đạo thế gian.

Sâu xa hơn, quan niệm của Phật giáo thường khuyên nhủ “người con Phật” phải biết hướng dẫn cha mẹ làm điều thiện lành, đặc biệt là quy y Tam bảo: “Nếu cha mẹ ương ngạnh, si mê tà kiến, không

tin Tam Bảo, hung hiểm bạo ngược, tàn ác bất nhân, gây nhiều nghiệp dữ, người con có hiếu phải biết khuyên can cha mẹ, khiến sinh tín tâm, quay về chính đạo, gần gũi bạn lành, mở lòng bỏ đê, tu thiện niệm Phật, làm cho cha mẹ thường được an ổn” (9). Đây là quan niệm hiếu đạo xuất thế gian độc đáo trong Phật giáo.

Như vậy, tư tưởng hiếu đạo theo quan niệm của Phật giáo chính là khuyên nhủ người con làm tròn bổn phận của mình với cha mẹ ở thế gian; đồng thời còn hướng dẫn cha mẹ tin sâu Tam Bảo, thực hành tu tập để giác ngộ, giải thoát. Đây là điểm khác biệt căn bản trong quan niệm về hiếu đạo Phật giáo và hiếu đạo Nho giáo.

Theo Phật sử, năm 65, Phật giáo du nhập vào Trung Quốc theo con đường tơ lụa (10) thời Vua Hán Minh Đế trị vì (57-75 SCN). Thời gian này, ngôi chùa đầu tiên được xây dựng ở Lạc Dương có tên là Bạch Mã (11). Tuy nhiên, Phật giáo bắt đầu chịu sự công kích từ Nho sĩ và Đạo sĩ và sau đó Phật giáo có mối liên hệ với Nho giáo và Đạo giáo (12). Các Nho sĩ chỉ trích Phật giáo ở 3 điểm chính là: 1. Kinh điển nhà Phật không đề cao chữ hiếu; 2. Các nhà sư cạo tóc ly gia là trái với *Hiếu kinh*; 3. Không lập gia đình nên không có con nối dõi tông đường. Còn các Đạo sĩ thì phản bác Phật giáo làm “ô nhiễm đời sống cao thượng” trên các phương diện: 1. Bất hiếu; 2. Sống độc thân, không duy trì nòi giống tổ tiên; 3. Dùng phân và nước tiểu làm dược liệu; 4. Khất thực để sinh sống (13).

Đáp lại sự công kích từ các Nho sĩ và Đạo sĩ, các Tăng sĩ đã nỗ lực dịch các bản kinh liên quan đến hiếu đạo. Tiêu biểu là *Thiện Sinh kinh* (14), *Phật thuyết Vu lan bồn kinh*, *Phật thuyết Đạo Lợi thiên vị mẫu thuyết pháp kinh*, *Phật thuyết phụ mẫu ân nan báo kinh*, *Phật thuyết báo ân phụng bồn kinh*, *Phật thuyết hiếu từ kinh*... Trong số các bộ kinh này, bộ *Phật thuyết Vu lan bồn kinh* và *Phật thuyết phụ mẫu ân nan báo kinh* phổ biến nhất. Bên cạnh đó, trong dân gian lưu truyền tấm gương hiếu hạnh của Tôn giả Mục Kiền Liên và sau này, nhiều văn bản được tìm thấy ở Đôn Hoàng liên quan đến tư tưởng hiếu đạo như *Mục Liên biến văn*, *Mục Liên duyên khởi*... Như thế, có thể thấy Phật giáo có quan điểm riêng về hiếu đạo và cũng có điểm tương đồng với Nho giáo.

Ở Việt Nam, Phật giáo đã du nhập khá sớm và hình thành trung tâm Phật giáo ở Luy Lâu - Dâu và ở đây, tư tưởng hiếu đạo phần nào đã được thể hiện trong *Lý hoặc luận* của Mâu Tử (sinh khoảng năm 165-170-?). *Lý hoặc luận* đề cập về việc Sa môn cạo

tóc là trái với lời thánh nhân, nghĩa là không phù hợp với tinh thần *Hiếu kinh* của Nho giáo. Song, Mâu Tử đã dẫn một câu chuyện (15) để minh chứng rằng, không nên hiếu tư tưởng hiếu đạo một cách giáo điều, cứng nhắc mà cần phải tùy theo từng hoàn cảnh (16). Hay việc Sa môn (17) cát ái ly gia đã được Mâu Tử so sánh với tấm gương Hứa Do (18), Bá Di và Thúc Tề (19). Họ là những người không sinh con nối dõi nhưng lại được Khổng Tử coi trọng và xem là những bậc hiền giả, người có lòng nhân. Do đó, theo Mâu Tử, việc Sa môn từ bỏ niềm vui tâm thường để tu dưỡng đạo đức không có gì là trái với tinh thần *Hiếu kinh* (20). Hơn nữa, trong *Vu lan bồn kinh*, hành động cứu mẹ của Tôn giả Mục Kiền Liên được xem là tấm gương hiếu hạnh rất tiêu biểu của Phật giáo.

Ở một phương diện rộng hơn, theo quan niệm của Phật giáo, con người cần phải tôn trọng sinh mạng của chúng sinh. Trong vòng luân hồi, từ nhiều đời nhiều kiếp trước, đã có nhiều chúng sinh đã từng là cha mẹ hay người thân của ta: “Thực hành hiếu đạo không những hiếu dưỡng với cha mẹ mình mà còn mở rộng hiếu dưỡng với cha mẹ mọi người trong thiên hạ” (21)... Ở phương diện này, có thể xem hiếu là khởi đầu của giới: “Giữ giới chính là để hiếu thuận báo ơn cha mẹ” (22). Vì thế, nếu tín đồ Phật giáo không hiếu thảo thì khó lòng giữ giới trọn vẹn. Trong Ngũ giới, không sát sinh là giới đầu tiên, giữ được giới này còn được xem là người đang thực hành hiếu hạnh. Một điểm đáng chú ý, tín đồ Phật giáo thường thực hành phóng sinh làm phúc vào ngày mùng 1, ngày 15 hằng tháng. Trong đó, ngày 15-7 âm lịch hằng năm được tổ chức rất long trọng, gọi là ngày Lễ Vu lan. Lễ Vu lan báo hiếu là tháng tín đồ Phật giáo báo hiếu công ơn cha mẹ, nên lễ này còn gọi là Mùa báo hiếu.

2. Một số biểu hiện giá trị tư tưởng hiếu đạo thời Trần

Thời Trần (1225-1400) về chính trị, quân sự là giai đoạn nổi bật với sự ổn định, tinh thần đoàn kết, 3 lần đánh thắng quân Nguyên Mông; về mặt văn hóa và tôn giáo, tinh thần hiếu đạo là kết quả của sự hòa quyện của Phật giáo với văn hóa truyền thống dân tộc và tư tưởng hiếu đạo của Nho giáo. Bởi, Phật giáo thời Trần mà cơ bản là Phật giáo Trúc Lâm là Phật giáo nhập thế.

Vì thế, tín đồ Phật giáo Trúc Lâm tích cực dần thân xây dựng xã hội, hòa mình trong đời sống xã hội mà vẫn giữ được tâm thanh tịnh. Chủ trương nhập thế này đã vun bồi nhiều giá trị cho văn hóa, tôn giáo thời Trần. Những giá trị tiêu biểu như tư

tưởng Phật tức tâm, hộ quốc an dân, hòa quang đồng trần... mà trong đó có tư tưởng hiếu đạo, không chỉ giúp cho triều Trần giữ vững được sự ổn định chính trị, văn hóa xã hội phát triển mà còn tạo tiền đề quan trọng đánh thắng giặc Nguyên Mông. Có thể nói, những giá trị văn hóa phi vật thể Phật giáo hiện diện ở hầu khắp các lĩnh vực của đời sống xã hội thời Trần, từ chính trị đến văn hóa, nghệ thuật... đem lại nhiều lợi lạc cho người dân thời bấy giờ.

Ngay từ khi lấy ngôi một cách êm thấm từ nhà Lý (1009-1225), Vua Trần Thái Tông đã lựa chọn những người trong dòng họ để quản lý, điều hành chính quyền. Việc lựa chọn người trong dòng họ buộc Vua Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông... đề cao tư tưởng hiếu đạo làm nền tảng cho việc củng cố, xây dựng vương quyền. Chế độ “lưỡng đầu chế” được các vị vua đầu triều duy trì, một mặt giúp Thượng hoàng hỗ trợ vua quản lý chính quyền, triển khai các chính sách; mặt khác đề cao sự kính trọng của vua/ con đối với thượng hoàng/ cha và các bậc tiền bối. Tuy nhiên, trong bối cảnh lịch sử thời Trần, tư tưởng hiếu đạo còn là lòng trung thành, vun bồi tinh thần đoàn kết dân tộc trong việc chống giặc ngoại xâm; xây dựng nền tảng xã hội và đây là giá trị rõ nhất của hiếu đạo.

Bên cạnh việc đề cao hiếu đạo trong dòng họ, thì các vị vua đầu triều Trần còn rất coi trọng tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, tôn thờ các anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa. Khi coi trọng tín ngưỡng này, các vị vua nhà Trần vừa thể hiện truyền thống “uống nước nhớ nguồn” lại vừa củng cố uy quyền dòng họ, tạo sự đoàn kết sâu rộng trong xã hội. Tiêu biểu là xây dựng Thái miếu ở kinh thành Thăng Long, ở Đông Triều để thờ các vị tiên đế; xây dựng đền Thái Vi ở Hoa Lư (Ninh Bình) để thờ cúng tổ tiên dòng họ Trần... Cùng với việc xây dựng Thái miếu, từ đường thờ cúng tổ tiên thì các nghi thức tế lễ được tổ chức quy mô nhằm tưởng nhớ công lao tổ tiên.

Như vậy, ở mỗi gia đình, thờ cúng tổ tiên được người dân thực hành vào các ngày giỗ, Tết; ở dòng họ thì người đứng đầu gia tộc cùng với các thành viên thực hành nghi lễ tế, răn dạy con cháu ghi nhớ công ơn tổ tiên; ở cấp độ làng xã, người dân mỗi làng đã xây dựng nơi thờ Thành hoàng, thường là những anh hùng dân tộc (23), danh nhân văn hóa có công với dân với nước.

Trong bối cảnh kháng chiến chống quân Nguyên Mông, Trần Hưng Đạo đã hiệu triệu tướng sĩ bảo vệ Tổ quốc vì Tổ quốc như một đại gia đình, nhắc nhở binh lính tưởng nhớ đến công lao của cha mẹ, tổ tiên

để chiến đấu: “Một khi giặc Mông đến nơi... chẳng những là thái ấp của ta không còn, mà bổng lộc của các người cũng bị kẻ khác chiếm mất; chẳng những là gia quyến của ta phải đuổi, mà vợ con của các người cũng bị kẻ khác bắt đi; chẳng những xã tắc của tổ tông ta sẽ bị dày xéo, mà đến mồ mả của cha mẹ các người cũng sẽ bị kẻ khác đào lên, chẳng những thân ta kiếp này chịu nhục và trăm kiếp khác tiếng như khôn rửa, tên xấu vẫn còn, mà gia thanh của các người cũng chẳng khỏi mang tiếng là nhà bại tướng...” (24). Bản thân ngài không chỉ là người con hiếu thảo mà còn là vị anh hùng dân tộc, xây dựng tin thần đoàn kết, đồng lòng đánh giặc, báo hiếu quốc gia.

Bản thân Vua Trần Thái Tông ngay từ khi mới lên ngôi đã luôn mang tâm trạng, đắn đo giữa lối sống đạo và lối sống đời. Làm thế nào để *báo hiếu* cha mẹ và *xứng với lòng dân* một cách tốt nhất: “Trên đã không có cha mẹ để tựa nương, dưới lại e chẳng xứng với lòng dân trông đợi, biết làm thế nào? Suy đi nghĩ lại, không gì hơn lui về chốn núi rừng tìm học đạo Phật, để hiểu rõ nghĩa lớn của việc sống chết, cùng đền đáp công ơn khó nhọc của mẹ cha thế chẳng tốt hơn sao?” (25). Tuy nhiên, ngài được Thiền sư Viên Chứng khuyên rằng: “Trong núi vốn không có Phật, Phật chỉ ở trong tâm. Tâm lặng mà biết gọi là chân Phật. Nay Bệ hạ nếu ngộ tâm này thì tức khắc thành Phật, không nhọc tìm cầu bên ngoài” (26); “Như thần nghĩ, bệ hạ tính kế tự tu đã vậy, nhưng còn quốc gia xã tắc thì sao? Nếu chỉ để lời nói suông lại cho đời sau, sao bằng đem thân mình làm gương trước cho thiên hạ?” (27). Nghe lời khuyên, ngài trở về kinh thành đảm trách lãnh đạo quốc gia nhưng không ngừng tu học Phật pháp, lấy giới luật Phật giáo làm cơ sở tu dưỡng đạo đức, vun bồi hiếu đạo thông qua những chính sách an dân, tôn trọng phép nước, hiếu kính cha mẹ... Như thế, giá trị tư tưởng hiếu đạo không chỉ dừng lại ở hiếu kính cha mẹ mà còn là báo đáp quốc gia.

Tuệ Trung Thượng Sĩ vừa là một thiền sư vừa là một nhà Thiền học nổi tiếng bậc nhất thời Trần. Với tư tưởng hiếu đạo, ngài cho rằng hiếu với cha mẹ tức là hiếu với Phật. Và vì thế, qua lăng kính từ bi, ngài luôn khuyến khích tín đồ, Phật tử và người dân phụng dưỡng, tôn kính cha mẹ, yêu thương nhau. Bên cạnh việc phụng dưỡng vật chất thì ngài khuyến khích thực hành hiếu đạo qua các nghi lễ Phật giáo.

Vua Trần Nhân Tông khi được truyền ngôi tự xưng là Hiếu Hoàng. Tuy ở địa vị tối cao nhưng vua lại thường ăn chay, thân thể gầy yếu, nên Thượng hoàng Trần Thánh Tông rất lo lắng: “Thánh Tông

khóc, bảo: Ta nay già rồi, trông cậy một mình con, nếu con làm như thế thì sự nghiệp của Tổ tông sẽ ra sao? Ngài [Nhân Tông] nghe vua cha nói vậy cũng rơi nước mắt” (28). Chính sự còn ghi việc Vua Trần Nhân Tông thờ Từ Cung (thái hậu) làm sáng đạo hiếu. Hay khi Thượng hoàng Trần Thánh Tông mất, tấm lòng hiếu thuận của Vua Trần Nhân Tông thể hiện ở việc mai táng ở Dụ Lăng, thụy hiệu là Tuyên Hiếu Hoàng đế (29).

Vua Trần Anh Tông (1276-1320) cũng như vua cha được người đời sau khen là vị vua chí hiếu. Thái hậu thường dạy bảo Vua Trần Anh Tông rất nghiêm và vua nhất mực vâng theo một cách kính cẩn. Năm 1299, Thượng hoàng Trần Nhân Tông từ phủ Thiên Trường về kinh thành, thấy Vua Trần Anh Tông uống rượu say liền nổi giận trở về phủ Thiên Trường. Khi Vua Trần Anh Tông tỉnh, nghe cung nhân kể thì hết hoảng lo sợ, nhờ Đoàn Nhữ Hài viết biểu tạ tội. Từ đó, Vua Trần Anh Tông không dám uống rượu nữa.

Phật hoàng Trần Nhân Tông từng căn dặn Vua Trần Anh Tông khi Tuyên Từ Thái hậu mất thì phải đem chôn cất cạnh lăng vua cha. Thái hậu mất, ở lăng nhiều bùn đất, tiếng đắp đất vang vọng làm các quan sợ hãi tâu rằng không nên kinh động đến lăng tẩm. Vua Trần Anh Tông kiên quyết thực hiện di mệnh của tiên đế. Vua Trần Anh Tông được đời sau khen là vị vua chí hiếu. Sau khi Vua Trần Anh Tông mất, triều đình tôn thụy hiệu là Ứng Thiên Quang Vận Nhân Minh Thánh Hiếu Hoàng Đế.

Ở thời Vua Trần Minh Tông nắm quyền, một lần, Hiếu Khả ca ngợi vua giỏi hơn Vua Trần Anh Tông. Vua Trần Minh Tông biến sắc mặt, ngăn không cho nói và trách: “Ai mà khen người khác giỏi hơn cha thì người ấy hẳn là bất hiếu với cha mẹ, nên mới nói ra câu ấy” (30). Có thể thấy, ứng xử của Vua Trần Minh Tông với quan nhẹ nhàng và thâm thúy, biểu hiện tấm lòng tôn kính, hiếu thảo với những bậc tiên vương, lại vừa có tác dụng uốn nắn những tư tưởng, hành vi xu nịnh trong triều. Vua Trần Duệ Tông cũng là vị vua chí hiếu. Ông được suy tôn thụy hiệu là Kế Thiên Ứng Vận Nhân Minh Khâm Hiếu...

Bên cạnh đó, không thể không kể đến vai trò của phụ nữ thời Trần. Các vị hoàng hậu, công chúa thường tham gia tích cực trong việc tổ chức nghi lễ. Vợ Vua Trần Minh Tông là Hoàng hậu Hiến Từ nổi tiếng là người hiếu thảo... chăm lo cho Thái thượng hoàng và giáo dục các hoàng tử.

Nhìn chung, hiếu đạo là lòng kính trọng, tình yêu thương và trách nhiệm của con cái đối với cha mẹ, ông bà và tổ tiên và là một trong những giá trị cốt

lỗi của truyền thống văn hóa dân tộc. Ở thời Trần, tư tưởng hiếu đạo thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa giá trị văn hóa Phật giáo với truyền thống văn hóa dân tộc và Nho giáo. Đến nay, giá trị này vẫn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong truyền thống văn hóa Phật giáo và văn hóa xã hội Việt Nam.

3. Kết luận

Tư tưởng hiếu đạo thời Trần có sự hòa quyện hài hòa giữa Phật giáo với tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên và Nho giáo và vì thế mang bản sắc riêng và rất cụ thể qua hành động của các nhân vật lịch sử tiêu biểu thời Trần. Qua đó, giá trị của tư tưởng hiếu đạo thời Trần không chỉ gắn kết gia đình, dòng họ, mà còn gắn kết ý thức dân tộc.

Trong xã hội hiện nay, nhiều giá trị đạo đức truyền thống đã và đang bị xuống cấp nghiêm trọng, trong đó có giá trị tư tưởng hiếu đạo. Tình trạng con cái bất hiếu, ngược đãi cha mẹ, cha mẹ cũng không còn là tấm gương nhân từ, chiều chuộng con cái... và như thế, tư tưởng hiếu đạo đang đứng trước những thách thức lớn lao. Trước thực trạng như vậy, giá trị tư tưởng hiếu đạo thời Trần vẫn còn nguyên giá trị, thúc đẩy lòng biết ơn cha mẹ, kén tạo môi trường yêu thương trong gia đình, xã hội; củng cố lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết dân tộc ngày càng bền vững ■

Đ.V.P.A

1. Đoàn Trung Còn, *Hiếu kinh*, Nxb Tổng hợp Đồng Nai, 2003, tr.150.

2, 3, 6. Chu Hy, *Tứ thư tập chú*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 1998, tr.220, 218, 197.

4. *Kinh Lễ*, Nguyễn Tôn Nhan biên dịch chú giải, Nxb Văn học, Hà Nội, 1999, tr.198.

5. Trần Lê Sáng (chủ biên), *Tứ Thư*, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, tr.358.

7. Đại tạng kinh Việt Nam, *Tăng Chi Bộ I*, chương 2, phẩm Tâm thăng bằng, phần Đất, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1996, tr.119.

8. Xin xem: Đại tạng kinh Việt Nam, *Trường Bộ Kinh IV*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1996.

9. Phúc Tuệ, *Mục Liên sám pháp*, Nxb TP.HCM, 1998, tr.142.

10, 11, 12. Needham, Joseph, *Khoa học và Văn minh tại Trung Quốc*, tập 1, Nxb Đại học Cambridge, 1972, tr.112; Demiéville, Paul, *Triết học và tôn giáo từ thời Hán đến thời Tùy*, trong *Lịch sử Trung Quốc*, tập 1: Đế chế Tần và Hán, 221 TCN-220 SCN, Nxb Đại học Cambridge, 1986, tr.808, 822, 872.

13. K. Chen, *Hiếu thảo trong Phật giáo Trung Quốc*, *Harvard Journal of Asiatic Society* 28, 1968, tr.82.

14. Chẳng hạn An Thế Cao dịch vào thời Hậu Hán với tên

gọi là *Phật Thuyết Thi Ca La Việt lục phương lễ kinh*; Pháp Độ dịch vào thời Tây Hán với tên gọi *Phật thuyết Thiện Sinh tử kinh*; *Trường A Hàm kinh*, quyển 11, do Phật Đà Da Xá và Trúc Phật Niệm dịch vào đời Hậu Tần; *Trung A Hàm kinh*, quyển 33 do Tăng Già Đề Bà dịch vào đời Đông Tấn.

15. Vào thời nhà Tề có hai cha con cùng qua sông, khi thuyền đến giữa dòng người cha bỗng té xuống nước, nhưng may thay người con đã cứu được cha và liền khi đó cậu ta bèn kéo ngược cha lên để nước trong miệng cha chảy ra ngoài. Nhờ sự thông minh đó của người con mà người cha thoát khỏi cái chết. Hành động kéo ngược cha như thế được xem là bất hiếu, nhưng trong trường hợp này lại phù hợp với hoàn cảnh.

16, 20. Chen, K, *Sự chuyển hóa Phật giáo của Trung Quốc*, Nxb Đại học Princeton, 1973, tr.78, 60.

17. Sa môn (śramaṇa) vốn là thuật ngữ được nhiều tôn giáo sử dụng để chỉ cho các những người đã từ bỏ đời sống thế tục.

18. Hứa Do là người tài đức vẹn toàn, nhưng lựa chọn sống cuộc đời vị ẩn sĩ vào thời Đường Nghiêu trong lịch sử Trung Quốc. Vua Đế Nghiêu nghe tin đã thân đến tận nơi mời ông ra làm quan, nhưng ông nhất mực từ chối và nhà vua đành phải tìm người hiền tài khác. Sau khi nhà vua rời đi, Hứa Do lập tức ra bờ suối rửa tai coi như mình chưa từng nghe thấy gì. Ông gặp và kể chuyện cho ẩn sĩ Sào Phủ đang dắt trâu xuống suối uống nước. Sào Phủ nghe xong bèn dắt trâu đi chỗ khác vì không muốn cho trâu uống phải thứ nước đã hoen ố. Điển tích này đã trở thành mẫu mực về sự không màng danh lợi trong các tác phẩm văn học đời sau.

19. Bá Di và Thúc Tề là con Vua Cô Trúc. Khi Võ vương kéo quân chinh phạt Trụ vương thì hai vị này ra can đầu ngựa can vua. Võ vương không nghe, sau khi diệt Trụ thì lên ngôi lập nên nhà Chu. Từ đó, Bá Di và Thúc Tề không ăn gạo nhà Chu, cùng nhau lên núi Thú Dương hái rau vì mà ăn thay cơm, sau đó hai ông nhịn ăn rau nhà Chu mà chết.

21. Thích Nhuận Đạt, *Tư tưởng Hiếu đạo trong Phật giáo*, Nxb Tổng hợp TP.HCM, 2012, tr.12.

22. Thích Tuệ Nhẫn, *Mẹ là tình yêu*, Tạp chí Văn hóa Phật giáo, số 6, tháng 7, 2005, tr.37.

23. Sau khi danh tướng Trần Hưng Đạo mất, người dân đã tôn thờ như một vị thần, đây là biểu hiện của tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên với lòng yêu nước sâu sắc.

24. Bản dịch của Ngô Tất Tố, trong *Việt Nam văn học: văn học đời Trần*, Nxb Khai Trí, Sài Gòn, 1960, tr.160.

25, 26, 27. Viện Văn học, *Thơ văn Lý - Trần*, tập 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988, tr.28, 28, 29.

28. Lê Mạnh Thát, *Trần Nhân Tông: Con người và tác phẩm*, Nxb TP.HCM, 1999.

29, 30. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tr.202, 112.

Ngày Tòa soạn nhận bài: 31-3-2025; Ngày phân biện, đánh giá, sửa chữa: 18-4-2025; Ngày duyệt đăng: 25-4-2025.